

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MAI SƠN
TỈNH SƠN LA

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 05/2022/HNGĐ-ST
Ngày 28 tháng 11 năm 2022
V/v xin ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MAI SƠN, TỈNH SƠN LA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Tráng A Tênh

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Chăm Văn Tô

2. Ông Vũ Hữu Hương

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Duyên – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La;

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mai Sơn tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Đình Hạnh - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 11 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 28/2022/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 10 năm 2022 về việc xin ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 11 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1986. Địa chỉ: Th H V Th, xã Chiềng Mung, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La. Có mặt.

Bị đơn: Chị Cà Thị T, sinh năm 1983. Địa chỉ: Th H VTh, xã Chiềng Mung, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La. Có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1960. Địa chỉ: Thôn Hoàng Văn Thụ, xã Chiềng Mung, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện đề ngày 21 tháng 10 năm 2022 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Nguyễn Văn H trình bày như sau:

Tôi và chị Cà Thị T kết hôn với nhau vào năm 2011 việc kết hôn là do hai bên hoàn tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Mường Bằng vào ngày 21/03/2011.

Sau khi kết hôn chúng tôi chung sống hạnh phúc đến năm 2020 thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do kinh tế khó khăn, vợ chồng hay cãi chửi nhau. Sau đó cô T đi làm công nhân dưới Hà Nội nH cũng không quan tâm hay gửi tiền về giúp đỡ cho gia đình, một mình tôi phải nuôi con và làm trả nợ của hai vợ chồng, tôi gọi cô T về nhiều lần nH cô T không về. Chúng tôi cũng đã sống ly thân từ năm 2020 cho đến nay. Trong thời gian sống ly thân tôi và cô T cũng không quan tâm hay hỏi han gì nhau. Nay tôi xác định không thể tiếp tục cuộc sống chung như này được nữa, nên đề nghị Tòa án cho tôi được ly hôn với cô T.

Về con chung: Chúng tôi có 02 con chung là cháu Nguyễn Gia Lâm, sinh ngày 16/11/2011 và cháu Nguyễn Gia Lộc, sinh ngày 20/02/2014. Từ khi chúng tôi sống ly thân hai cháu đều ở với tôi cho đến nay, cô T cũng không hỏi han hay gửi tiền về hỗ trợ tôi nuôi con chung. Nay chúng tôi ly hôn, tôi mong muốn được tiếp tục nuôi dưỡng chăm sóc các con, cho đến khi cháu trưởng thành và không yêu cầu cô T phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng tôi.

Về tài sản chung: Chúng tôi không có tài sản chung, nên không đề nghị tòa án xem xét cho chúng tôi.

Về Nợ chung: Chúng tôi không có nợ chung.

Bị đơn trình bày:

Tôi và anh Nguyễn Văn H kết hôn với nhau vào năm 2011 việc kết hôn là do hai bên hoàn toàn tự nguyện và có đi đăng ký kết hôn tại UBND xã Mường Bằng, huyện Mai Sơn vào ngày 26/03/2011.

Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc đến năm 2020 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, do anh H không chung Thủy với vợ con có người phụ nữ khác bên ngoài, hay đánh đập tôi, tình cảm vợ chồng dần nứt. Sau đó anh H bắt tôi đi làm công nhân nH không yêu cầu tôi phải mang tiền về cho gia đình và bảo nợ nần anh H ở nhà lo hết tôi không phải lo, từ khi tôi đi làm tôi cũng không hay về nhà và cũng không gửi tiền về, Chúng tôi cũng đã sống ly thân từ khi tôi đi làm cho đến nay. Nay anh H có đơn xin ly hôn với tôi, tôi đồng ý ly hôn, nH anh H phải cho tôi nuôi hai con và có trách nhiệm với hai con, tôi được đưa hai con về nhà mẹ chồng ở.

Tôi đề nghị anh H bồi thường tuổi thanh xuân cho tôi từ thời gian kết hôn đến khi ly hôn, bao nhiêu tiền thì tùy tâm anh H. Ngoài ra, tôi đề nghị anh H thanh toán cho tôi tiền công làm vợ là 10.000.000VNĐ/ tháng từ thời điểm kết hôn đến khi ly hôn. Chúng tôi kết hôn tháng 3/2011 đến nay là tháng 10/2022, tổng cộng là 132 tháng, thành tiền là 1.320.000.000VNĐ.

Về con chung: Chúng tôi có 02 con chung là cháu Nguyễn Gia Lâm, sinh ngày 16/11/2011 và cháu Nguyễn Gia Lộc, sinh ngày 20/02/2014. Từ khi chúng tôi sống ly thân hai cháu ở với anh H và anh H chăm sóc nuôi dưỡng toàn bộ, tôi đi làm nH cũng không gửi tiền về hỗ trợ anh H nuôi con vì anh không yêu cầu. Nay chúng tôi ly hôn tôi mong muốn được nuôi dưỡng chăm sóc các cháu cho đến khi cháu trưởng thành. Nếu được nuôi dưỡng tôi yêu cầu anh H phải có trách nhiệm cấp dưỡng cho hai con, còn cấp dưỡng bao nhiêu là tùy anh H.

Về tài sản chung: Chúng tôi không có tài sản chung, nên không yêu cầu tòa án xét giải quyết.

- Về nợ chung: Chúng tôi không có nợ chung, nên không đề nghị tòa án xem xét.

Tại văn bản ghi ý kiến của con chung chưa thành niên trên 07 tuổi ngày 26/10/2022, cháu Nguyễn Gia Lâm, sinh ngày 16/11/2011 có nguyện vọng được ở cùng mẹ là chị Cà Thị T khi bố mẹ ly hôn.

Tại văn bản ghi ý kiến của con chung chưa thành niên trên 07 tuổi ngày 26/10/2022, cháu Nguyễn Gia Lộc, sinh ngày 20/02/2014 có nguyện vọng được ở cùng bố là anh Nguyễn Văn H khi bố mẹ ly hôn.

Do các đương sự chưa thống nhất được toàn bộ việc giải quyết vụ án nên vụ án được đưa ra xét xử theo quy định.

Ý kiến phát biểu của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

Bà Nguyễn Thị H xác định anh Nguyễn Văn H và chị Cà thị T kết hôn với nhau vào năm 2011, sau khi kết hôn cả hai vợ chồng ở cùng bên ngoại, sau một năm thì chuyển về ở cùng tôi và tôi có chia cho vợ chồng H, T 01 mảnh đất làm nhà, nH do làm ăn thua lỗ nên đã chuyển nhượng cho người khác, do không có nhà ở nên có xin ở nhờ với tôi từ năm 2018 đến nay, còn cháu T thì đến đầu năm 2020 cháu H có nói với tôi là T đi làm ăn xa, còn đi làm gì ở đâu thì tôi không biết, kể từ khi T đi làm cho đến nay không về thăm con và cũng không gửi tiền nong về nuôi dưỡng hai con.

Việc H và T ly hôn là tùy hai cháu, còn tài sản là toàn bộ nhà cửa và các vật dụng khác đều là tài sản của tôi có trước khi H và T về ở nhờ tôi.

Sau khi những người tham gia tố tụng phát biểu tranh luận tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và quan điểm giải quyết vụ án như sau:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định của pháp luật.

- Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng. Từ khi thụ lý vụ án đến phiên tòa ngày hôm nay nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ và tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét tất cả các ý kiến của những người tham gia phiên tòa, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 55, Điều 60, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 228; khoản 4 Điều 147; Điều 266; Điều 271, 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử theo hướng:

+ Về hôn nhân: Công nhận sự thỏa thuận giữa anh Nguyễn Văn H và chị Cà Thị T.

+ Về con chung: Giao cháu Nguyễn Gia Lâm, sinh ngày 26/03/2011 cho chị Cà Thị T trực tiếp nuôi dưỡng và giáo dục cháu Lâm cho đến khi cháu Lâm trưởng thành (đủ 18 tuổi). Giao cháu Nguyễn Gia Lộc, sinh ngày 20/02/2014 anh H là người trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc và giáo dục đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi) và hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng nhau.

+ Về tài sản chung và nợ chung vợ chồng: Anh H, chị T không đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết. Nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

+ Về án phí: Anh Nguyễn Văn H phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về tố tụng:

Xét về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Xét yêu cầu khởi kiện và lời khai của anh Nguyễn Văn H về việc xin ly hôn với chị Cà Thị T. Hội đồng xét xử xét thấy anh Nguyễn Văn H và chị Cà Thị T khi kết hôn với nhau có đi đăng ký kết hôn hợp pháp tại UBND xã Mường Bằng, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La và có nơi đăng ký hộ khẩu thường trú tại Thôn Hoàng Văn Thụ, xã Chiềng Mung, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La, do vậy mối quan hệ pháp luật tranh chấp là yêu cầu xin ly hôn và thẩm quyền giải quyết vụ án là thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về yêu cầu xin ly hôn:

[2.1] Về hôn nhân:

Anh Nguyễn Văn H và chị Cà Thị T tự nguyện kết hôn với nhau từ năm 2011, anh chị đã được UBND xã Mường Bằng, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 26/03/2011. Khi kết hôn hai bên đủ điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật, do đó anh chị là vợ chồng hợp pháp. Sau khi kết hôn hai anh, chị chung sống hòa thuận, hạnh phúc được một thời gian. Đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân của mâu thuẫn được xác định do chị T đi làm xa, không có thời gian về chăm lo cho gia đình, anh H có người phụ nữ khác, anh chị cũng đã sống ly thân từ năm 2020 cho đến nay. Do vậy, Hội đồng xét xử xét thấy tình trạng hôn nhân giữa anh H và chị T mâu thuẫn đã trầm trọng, mục đích của hôn nhân không đạt được, tại phiên tòa anh H và chị T tự nguyện thỏa thuận về việc ly hôn do vậy Hội đồng xét xử công nhận thuận tình ly hôn giữa anh Nguyễn Văn H và chị Cà Thị T theo quy định tại Điều 55 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: Chị T và anh H có 02 con chung là cháu Nguyễn Gia Lâm sinh ngày 26/03/2011 và Nguyễn Gia Lộc, sinh ngày 20/02/2014.

Tại phiên tòa các đương sự đã thống nhất được với nhau về phần con chung cụ thể như sau:

Sau khi ly hôn anh Nguyễn Văn H là người trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc và giáo dục cháu Nguyễn Gia Lộc, sinh ngày 20/02/2014 cho đến khi cháu trưởng thành (đủ 18 tuổi).

Chị Cà Thị T trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc và giáo dục cháu Nguyễn Gia Lâm, sinh ngày 26/03/2011 cho đến khi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Anh H chị T không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng nhau.

[2.3] Về tài sản chung vợ chồng:

Anh H và chị T thông nhất như: Sau khi kết hôn anh H và chị T chung sống ở bên ngoài được một năm. Đến năm 2013 anh H và chị T mới về bên nhà anh H sinh sống, bố anh H đã chết nên mẹ đẻ anh H là bà Nguyễn Thị H đã chia cho anh H và chị T 01 mảnh đất để làm nhà ở. Do trong quá trình sinh sống anh chị làm ăn thua lỗ, nên anh chị đã thống nhất bán toàn bộ tài sản nhà cửa cho người khác. Năm 2018 hai anh chị chuyển về nhà mẹ đẻ anh H ở nhờ chung nhà với bà Nguyễn Thị H (là mẹ đẻ anh H). Trong quá trình ở nhờ nhà bà H anh H và chị T có cùng bà H sửa chữa lại nhà ở hết hơn 10.000.000đ do thời gian sửa chữa đã lâu nên anh chị cũng không nhớ được cụ thể số tiền. Chị T xác định trong quá trình chị đi làm ở Hà Nội, anh H đã một mình trả số nợ chung của hai vợ chồng tại ngân hàng chính sách xã hội huyện Mai Sơn. Do vậy chị T không yêu cầu chia công sức đóng góp tôn tạo nhà cửa của bà H.

-Về nợ chung anh H xác định năm 2014 anh H và chị T có vay của ngân hàng chính sách xã hội huyện Mai Sơn với tổng số tiền vay là 120.000.000VNĐ. Năm 2020 sau khi chị Cà Thị T đã đi làm ở Hà Nội, khoản nợ hết hạn vay nên anh H đã tự kiếm tiền trả hết cho ngân hàng, chị T đi lao động nH không chu cấp tiền về cho con và cũng không hỏi han gì về gia đình, nên anh H đã tự một mình trả toàn bộ số nợ trên. Tại phiên tòa anh H không yêu cầu chị T phải hoàn trả lại phần nợ chung đã trả cho ngân hàng chính sách xã hội huyện Mai Sơn.

Bà H xác định sau khi anh H và chị T kết hôn, sinh sống cùng bên ngoài một năm hai anh chị mới chuyển về nhà bà sinh sống và bà cũng cho một mảnh đất để làm nhà riêng ở, do vợ chồng làm ăn thua lỗ nên bán hết phần đất bà cho để trả nợ. Sau đó xin bà cho về ở nhờ nhà bà, năm 2018 anh H và chị T có tôn tạo nhà của bà là hết hơn 10.000.000đ năm 2020 chị T tự ý bỏ đi lao động ở Hà Nội vợ chồng thỏa thuận như nào bà không biết, khi chị T đi có để lại hai đứa con là cháu Lâm và cháu Lộc cho anh H nuôi dưỡng chăm sóc cho đến nay. Việc hai vợ chồng thỏa thuận công sức đóng góp và con chung như trên bà nhất trí không có ý kiến gì.

Tại phiên tòa chị T xác định do anh H đã tự nguyện trả toàn bộ phần nợ chung của vợ chồng nên chị T không yêu cầu anh H và bà H phải trả trị giá chênh lệch về tôn tạo nhà của bà H cho chị T, Hội đồng xét xử xét thấy những ý kiến của anh H về không yêu cầu chị T phải hoàn trả nợ cùng và ý kiến của chị T về việc không yêu

cầu anh H và bà H phải trả trị giá công tôn tạo nhà của bà H cho chị T là hoàn toàn tự nguyện cần chấp nhận.

Xét ý kiến của chị Cà Thị T về việc yêu cầu anh Nguyễn Văn H phải thanh toán tiền công làm vợ cho chị là 10.000.000VNĐ/1 tháng từ thời điểm kết hôn đến khi ly hôn là không có căn cứ chấp nhận.

Xét yêu cầu của chị T về việc sau khi ly hôn với anh H, chị T sẽ mang con về ở cùng bà H (mẹ đẻ anh H), tại phiên tòa bà H không chấp nhận yêu cầu trên của chị T, Hội đồng xét xử xét thấy đối với nhà và đất ở của bà H là những tài sản thuộc quyền sử dụng và sở hữu hợp pháp của bà H được tạo lập trước thời điểm chị T và anh H về ở nhờ bà H, do vậy không chấp nhận yêu cầu của chị Cà Thị T về việc sau khi ly hôn sẽ về ở chung với bà H (trừ trường hợp chị T và bà H có thỏa thuận khác)

[2.4] Về án phí: Anh Nguyễn Văn H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 147, 266, 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Điều 212, Điều 213 Bộ luật tố tụng dân sự

- Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Nguyễn Văn H và chị Cà Thị T.

2. Về con chung: Anh H và chị T có 02 con chung; Thống nhất thỏa thuận: Sau khi ly hôn anh Nguyễn Văn H là người trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc và giáo dục cháu Nguyễn Gia Lộc, sinh ngày 20/02/2014 cho đến khi cháu trưởng thành (đủ 18 tuổi). Chị Cà Thị T trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc và giáo dục cháu Nguyễn Gia Lâm, sinh ngày 26/03/2011 cho đến khi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Anh H chị T không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng nhau.

Sau khi ly hôn, các bên được quyền thăm nom con mà mình không trực tiếp nuôi dưỡng theo quy định của pháp luật; không ai được quyền ngăn cản các bên thực hiện quyền này theo quy định của Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

4. Về công sức đóng góp tôn tạo tài sản và nợ chung của vợ chồng: Công nhận sự tự nguyện thỏa thuận giữa các bên đương sự về việc anh Nguyễn Văn H không yêu cầu chị Cà Thị T phải hoàn trả khoản nợ chung của vợ chồng do anh H đã tự một mình trả toàn bộ cho ngân hàng chính sách xã hội huyện Mai Sơn vào năm 2020 và chị Cà Thị T không yêu cầu anh Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Thị H phải trả công tôn tạo nhà ở của bà H cho chị Cà Thị T.

5. Bác toàn bộ yêu cầu của chị Cà Thị T về việc yêu cầu anh Nguyễn Văn H phải bồi thường tuổi thanh xuân và công làm vợ là 10.000.000đ/1 tháng và chị T yêu cầu anh Nguyễn Văn H phải có trách nhiệm tìm nơi ở mới cho chị T sinh sống và chị T đòi mang con về chung sống với gia đình bà Nguyễn Thị H (mẹ đẻ anh H).

4. Về án phí: Anh H phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng nH được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 (ba trăm nghìn) đồng đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số **AA/2021/0002286** ngày 26 tháng 10 năm 2022 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La.

6. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

7. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Mai Sơn;
- Chi cục THADS huyện Mai Sơn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Tráng A Tênh

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

**THẨM PHÁN –
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**